

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẮK R'LẤP
TỈNH ĐẮK NÔNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 63/2024/DS-ST

Ngày: 22-7-2024

V/v “*Tranh chấp hợp đồng
tín dụng*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK R'LẤP, TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Quy.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Nguyệt.

2. Ông Nguyễn Sơn.

Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Vân - Thư ký viên Tòa án nhân dân huyện Đắc R'Lấp, tỉnh Đắc Nông.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắc R'Lấp, tỉnh Đắc Nông tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 22/7/2024, tại phòng xét xử Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đắc R'Lấp, tỉnh Đắc Nông xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 255/2023/TLST- DS ngày 13/11/2023 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 45/2024/QĐXXST-DS ngày 06/6/2024; Quyết định hoãn phiên tòa số: 42/2024/QĐST-DS ngày 26/6/2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng N1.

Địa chỉ: Số B L, phường T, quận B, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Toàn V - Chức vụ: Tổng giám đốc Ngân hàng N1.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phan Công Q - Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng N1 chi nhánh tỉnh Đ (theo văn bản ủy quyền số 2665/QĐ -NHNo- PC ngày 01-12-2023 của Tổng giám đốc Ngân hàng N1).

Người đại diện theo ủy quyền lại: Ông Nguyễn Đức T - Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng N1 - chi nhánh tỉnh Đ - Phòng G (theo văn bản ủy quyền số 2958/GUQ- NHNo.Đno- PTKSNB ngày 08-8-2023 của Giám đốc Ngân hàng N1 - chi nhánh tỉnh Đ).

Địa chỉ: Thôn C, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắc Nông - có đơn xin vắng mặt.

Bị đơn: Ông Bùi Văn T1, sinh năm 1964 và bà Trần Thị L, sinh năm 1961 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Thôn A, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắc Nông.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Anh Bùi Thanh T2, chị Bùi Thị Thanh T3, anh Bùi Thanh T4.

Cùng địa chỉ: Thôn A, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắc Nông - vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và người đại diện theo ủy quyền lại ông Nguyễn Đức T trình bày: Giữa Ngân hàng N1 - chi nhánh tỉnh Đ - Phòng G với ông Bùi Văn T1 và bà Trần Thị L có ký hợp đồng tín dụng số 5300-LAV-201500548MKH-5300-259664326, ngày 20/01/2015, theo hợp đồng thì Ngân hàng cho ông T1 và bà L vay số tiền 200.000.000 đồng, mục đích vay để sửa chữa nhà ở. Thời hạn vay là 36 tháng kể từ ngày 20/01/2015, mức lãi suất là 10%/năm tại thời điểm ký hợp đồng tín dụng, lãi suất cho vay được điều chỉnh 03 tháng 01 lần kể từ ngày cho vay nhưng không thấp hơn 10%/năm, lãi suất nợ quá hạn là 150% lãi suất trong hạn.

Tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số: 2613/TC-2014 ngày 08/01/2014, thế chấp thửa đất số 6, tờ bản đồ số 7, diện tích 17922m², theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (viết tắt GCNQSDĐ) số AK 866969, Ủy ban nhân dân (viết tắt UBND) huyện Đ cấp ngày 11/12/2007, đứng tên hộ ông Bùi Văn T1 và bà Trần Thị L, đất tọa lạc tại thôn A, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

Quá trình thực hiện hợp đồng, ngày 20/7/2016, ông Bùi Văn T1 và bà Trần Thị L trả nợ cho Ngân hàng số tiền gốc là 50.000.000 đồng và tiền lãi. Sau đó, ông T1 và bà L không trả gốc và lãi đúng hạn vào ngày 19/01/2017 như thỏa thuận trong hợp đồng mà hai bên đã ký nên toàn bộ nợ gốc theo hợp đồng đã chuyển sang nợ xấu. Ngân hàng đã nhắc trả nợ nhưng ông T1 và bà L vẫn không trả đúng hạn như thỏa thuận.

Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc ông Bùi Văn T1 và bà Trần Thị L trả nợ cho Ngân hàng N1 - chi nhánh tỉnh Đ - Phòng G toàn bộ số nợ gốc và lãi tạm tính đến ngày 22/7/2024 là 322.805.556 đồng, trong đó nợ gốc là 150.000.000 đồng, nợ lãi là 172.805.556 đồng và lãi suất phát sinh. Trong trường hợp ông T1 và bà L không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu xử lý các tài sản thế chấp theo quy định của pháp luật.

Theo bị đơn bà Trần Thị L trình bày: Bà Trần Thị L và chồng bà L1 là ông Bùi Văn T1 có vay của Ngân hàng N1 - chi nhánh tỉnh Đ - Phòng G1 theo hợp đồng tín dụng số 5300-LAV-201500548MKH-5300-259664326, ngày 20/01/2015, theo hợp đồng thì ông T1 và bà L vay của Ngân hàng số tiền 200.000.000 đồng, mục đích vay để sửa chữa nhà ở. Thời hạn vay là 36 tháng kể từ ngày 20/01/2015, mức lãi suất là 10%/năm tại thời điểm ký hợp đồng tín dụng, lãi suất cho vay được điều chỉnh 03 tháng 01 lần kể từ ngày cho vay nhưng không thấp hơn 10%/năm, lãi suất nợ quá hạn là 150% lãi suất trong hạn.

Tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số: 2613/TC-2014 ngày 08/01/2014, tài sản thế chấp là thửa đất số 6, tờ bản đồ số 7, diện tích 17922m², theo GCNQSDĐ số AK 866969, UBND huyện Đ cấp ngày 11/12/2007, đứng tên hộ ông Bùi Văn T1 và bà Trần Thị L, đất tọa lạc tại thôn A, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

Ngày 20/7/2016, ông **Bùi Văn T1** và bà **Trần Thị L** đã trả nợ cho Ngân hàng số tiền gốc là 50.000.000 đồng và tiền lãi. Sau đó, do gặp khó khăn về kinh tế nên ông **T1** và bà **L** không trả gốc và lãi đúng hạn vào ngày 19/01/2017 như thỏa thuận trong hợp đồng mà hai bên đã ký. Ngân hàng đã nhắc trả nợ nhưng do khó khăn nên ông **T1** và bà **L** không trả nợ được.

Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc ông **Bùi Văn T1** và bà **Trần Thị L** trả nợ cho **Ngân hàng N1 - chi nhánh tỉnh Đ - Phòng G** toàn bộ số nợ gốc và lãi tạm tính từ ngày 21/7/2016 đến ngày 22/7/2024 là 322.805.556 đồng, trong đó nợ gốc là 150.000.000 đồng, nợ lãi là 172.805.556 đồng và lãi suất phát sinh. Trong trường hợp ông **T1** và bà **L** không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu xử lý các tài sản thế chấp theo quy định của pháp luật thì gia đình bà **L** thừa nhận còn nợ số tiền gốc và lãi như trên nhưng đề nghị Ngân hàng tạo mọi điều kiện cho gia đình bà **L** được trả nợ sau, vì hiện tại gia đình gặp rất nhiều khó khăn về kinh tế không có khả năng trả nợ.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị đơn ông **Bùi Văn T1** và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh **Bùi Thanh T2**, chị **Bùi Thị Thanh T3** và anh **Bùi Thanh T4** để giải quyết vụ án nhưng những người này đều vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa, Tòa án triệu tập hợp lệ các đương sự tham gia phiên tòa nhưng đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn **Ngân hàng N1 - chi nhánh tỉnh Đ - Phòng G** vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn ông **Bùi Văn T1**, bà **Trần Thị L** và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh **Bùi Thanh T2**, chị **Bùi Thị Thanh T3** và anh **Bùi Thanh T4** vắng mặt lần thứ hai không có lý do, nguyên đơn và bị đơn bà **Trần Thị L** đã có lời khai đầy đủ trong quá trình giải quyết vụ án, việc vắng mặt của tất cả các đương sự không ảnh hưởng gì đến việc giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đăk R'Lấp phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử, căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 157, Điều 158, khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 275, Điều 351, Điều 357, Điều 463, Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015; Điều 91, Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của **Ngân hàng N1 - chi nhánh tỉnh Đ - Phòng G**. Buộc ông **Bùi Văn T1** và bà **Trần Thị L** phải trả số tiền gốc và lãi tính từ ngày 21/7/2016 đến ngày 22/7/2024 là 322.805.556 đồng, trong đó nợ gốc là 150.000.000

đồng, nợ lãi là 172.805.556 đồng. Ông **T1** và bà **L** phải tiếp tục phải trả lãi kể từ ngày 23/7/2024 theo hợp đồng tín dụng mà hai bên đã ký cho đến khi trả nợ xong. Trường hợp ông **T1** và bà **L** không trả được nợ hoặc trả nợ không đầy đủ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án và quan hệ pháp luật tranh chấp: Ngân hàng **N1** - chi nhánh tỉnh **Đ** - Phòng **G** khởi kiện yêu cầu ông **Bùi Văn T1** và bà **Trần Thị L** phải trả số tiền vay 150.000.000 đồng và lãi suất, theo hợp đồng tín dụng số 5300-LAV-201500548MKH-5300-259664326 ngày 20/01/2015. Theo như hợp đồng thì quan hệ pháp luật là "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" được quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nơi cư trú của bị đơn tại **thôn A, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông**. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện **Đắk R'Lấp, tỉnh Đắk Nông** theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về tố tụng: Tại phiên tòa, người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn ông **Bùi Văn T1**, bà **Trần Thị L** và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh **Bùi Thanh T2**, chị **Bùi Thị Thanh T3** và anh **Bùi Thanh T4** vắng mặt lần thứ hai không có lý do, vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[3]. Về nội dung vụ án: Theo nguyên đơn thì tại hợp đồng tín dụng số 5300-LAV-201500548MKH-5300-259664326 ngày 20/01/2015; hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số: 2613/TC-2014 ngày 08/01/2014, được ký kết giữa **Ngân hàng N1** - chi nhánh tỉnh **Đ** - Phòng **G** với ông **Bùi Văn T1** và bà **Trần Thị L**, các bên ký kết hợp đồng trên cơ sở tự nguyện, không trái pháp luật. Quá trình thực hiện hợp đồng, tính đến 20/7/2016, ông **T1** và bà **L** mới trả nợ cho Ngân hàng số tiền gốc là 50.000.000 đồng và tiền lãi. Từ ngày 21/7/2016 đến nay không trả nợ. Ông **T1** và bà **L** đã vi phạm hợp đồng nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông **T1** và bà **L** phải trả toàn bộ nợ gốc và lãi từ ngày 21/7/2016 đến ngày 22/7/2024 tổng cộng là 322.805.556 đồng, trong đó nợ gốc là 150.000.000 đồng, nợ lãi là 172.805.556 đồng và tiền lãi từ ngày 23/7/2024 đến khi thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ. Trường hợp ông **T1** và bà **L** không trả được nợ hoặc trả nợ không đầy đủ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp là thửa đất số 6, tờ bản đồ số 7, diện tích 17922m², theo GCNQSDĐ số AK 866969, **UBND huyện Đ** cấp ngày 11/12/2007, đứng tên hộ ông **Bùi Văn T1** và bà **Trần Thị L**, đất tọa lạc tại **thôn A, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông** theo quy định của pháp luật.

Bị đơn bà **Trần Thị L** thừa nhận bà **L** và ông **Bùi Văn T1** có ký hợp đồng tín dụng số 5300-LAV-201500548MKH-5300-259664326 ngày 20/01/2015; hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số: 2613/TC-2014 ngày 08/01/2014 với **Ngân hàng N1** - chi nhánh tỉnh **Đ** - Phòng **G**, tính đến ngày 20/7/2016, ông **T1** và bà **L** mới trả được tiền gốc là 50.000.000 đồng và lãi suất, từ

ngày 21/7/2016 đến nay chưa trả nợ. Bà **L** đồng ý trả số tiền gốc và lãi cho Ngân hàng nhưng đề nghị Ngân hàng tạo mọi điều kiện để trả nợ sau vì hiện tại gia đình gặp rất nhiều khó khăn về kinh tế nên không có khả năng trả nợ.

[4]. Hội đồng xét xử xét thấy: Ông **Bùi Văn T1** và bà **Trần Thị L** đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán được quy định trong hợp đồng mà hai bên đã ký kết nên **Ngân hàng N1 - chi nhánh tỉnh Đ - Phòng G** có quyền khởi kiện yêu cầu ông **T1** và bà **L** phải trả số tiền gốc và lãi suất tạm tính từ ngày 21/7/2016 đến ngày 22/7/2024 tổng cộng là 322.805.556 đồng, trong đó nợ gốc là 150.000.000 đồng, nợ lãi là 172.805.556 đồng. Ông **T1** và bà **L** phải tiếp tục chịu lãi kể từ ngày 23/7/2024 cho đến khi trả nợ xong. Trường hợp ông **T1** và bà **L** không trả được nợ hoặc trả nợ không đầy đủ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp là 01 thửa đất số 6, tờ bản đồ số 7, diện tích 17922m², GCNQSDĐ số AK 866969, **UBND huyện Đ** cấp ngày 11/12/2007, đứng tên hộ ông **Bùi Văn T1** và bà **Trần Thị L**, đất tọa lạc tại **thôn A, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông** là có căn cứ chấp nhận.

[5]. Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk R'Lấp, tỉnh Đắk Nông tại phiên tòa là có căn cứ nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

[6]. Từ những phân tích nhận định trên đây, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn **Ngân hàng N1 - chi nhánh tỉnh Đ - Phòng G**. Buộc ông **Bùi Văn T1** và bà **Trần Thị L** phải trả tiền gốc và lãi suất từ ngày 21/7/2016 đến ngày 22/7/2024 tổng cộng là 322.805.556 đồng (làm tròn thành 322.806,000 đồng), trong đó nợ gốc là 150.000.000 đồng, nợ lãi là 172.805.556 đồng. Ông **T1** và bà **L** phải tiếp tục phải trả lãi kể từ ngày 23/7/2024 theo hợp đồng tín dụng số 5300-LAV-201500548MKH-5300-259664326 ngày 20/01/2015 cho đến khi trả nợ xong.

Trường hợp ông **Bùi Văn T1** và bà **Trần Thị L** không trả được nợ hoặc trả nợ không đầy đủ thì **Ngân hàng N1 - chi nhánh tỉnh Đ - Phòng G** có quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp là thửa đất số 6, tờ bản đồ số 7, diện tích 17922m², GCNQSDĐ số AK 866969, **UBND huyện Đ** cấp ngày 11/12/2007, đứng tên hộ ông **Bùi Văn T1** và bà **Trần Thị L**, đất tọa lạc tại **thôn A, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông** theo quy định của pháp luật.

[7]. Về chi phí đo đạc, xem xét, thẩm định tại chỗ: Căn cứ Điều 157, Điều 158 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Ông **Bùi Văn T1** và bà **Trần Thị L** phải nộp 7.264.000 đồng. Do **Ngân hàng N1 - chi nhánh tỉnh Đ - Phòng G** đã nộp tạm ứng tại Tòa án số tiền 20.000.000 đồng nên ông **T1** và bà **L** phải trả lại Ngân hàng số tiền 7.264.000 đồng. Hoàn trả lại cho **Ngân hàng N1 - chi nhánh tỉnh Đ - Phòng G1** Cơ số tiền là 12.736.000 đồng đã nộp tạm ứng tại Tòa án.

[8]. Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên không phải nộp án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho **Ngân hàng N1 - chi nhánh tỉnh Đ - Phòng giao dịch N** Cơ số tiền 3.778.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp.

Bị đơn ông **Bùi Văn T1** và bà **Trần Thị L** phải nộp án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền 322.805.556 đồng = 16.140.277 đồng (làm tròn 16.140.000 đồng).

[9]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 157, Điều 158, khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 275, Điều 351, Điều 357, Điều 463, Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015; Điều 91, Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng.

2. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn **Ngân hàng N1 - chi nhánh tỉnh Đ - Phòng G** đối với bị đơn ông **Bùi Văn T1** và bà **Trần Thị L**.

2.1. Buộc ông **Bùi Văn T1** và bà **Trần Thị L** phải trả cho **Ngân hàng N1 - chi nhánh tỉnh Đ - Phòng G** toàn bộ nợ gốc và nợ lãi tính từ ngày 21/7/2016 đến ngày 22/7/2024 là 322.806,000 đồng (ba trăm hai mươi hai triệu, tám trăm linh sáu nghìn đồng), trong đó nợ gốc là 150.000.000 đồng, nợ lãi là 172.806.000 đồng.

2.2. Kể từ ngày 23/7/2024, ông **Bùi Văn T1** và bà **Trần Thị L** tiếp tục phải trả lãi trên số tiền gốc vay 150.000.000 đồng, với mức lãi suất theo hợp đồng tín dụng số 5300-LAV-201500548MKH-5300-259664326 ngày 20/01/2015, được ký kết giữa ông **Bùi Văn T1** và bà **Trần Thị L** với **Ngân hàng N1 - chi nhánh tỉnh Đ - Phòng G** cho đến khi thanh toán xong.

2.3. Trường hợp ông **Bùi Văn T1** và bà **Trần Thị L** không trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ thì **Ngân hàng N1 - chi nhánh tỉnh Đ - Phòng G** có quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp là thửa đất số 6, tờ bản đồ số 7, diện tích 17922m², giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 866969, Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp ngày 11/12/2007, đứng tên hộ ông **Bùi Văn T1** và bà **Trần Thị L**, đất tọa lạc tại **thôn A, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông** theo quy định của pháp luật.

3. Về chi phí đo đạc, xem xét và thẩm định tại chỗ: Ông **Bùi Văn T1** và bà **Trần Thị L** phải trả lại cho **Ngân hàng N1 - chi nhánh tỉnh Đ - Phòng G1** Cơ số tiền 7.264.000đ (*bảy triệu hai trăm sáu mươi bốn nghìn đồng*).

Hoàn trả lại cho **Ngân hàng N1 - chi nhánh tỉnh Đ - Phòng G1** Cơ số tiền là 12.736.000đ (mười hai triệu bảy trăm ba mươi sáu nghìn đồng) đã nộp tại Tòa án.

4. Về án phí: Căn cứ khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Ông **Bùi Văn T1** và bà **Trần Thị L** phải nộp 16.140.000đ (*mười sáu triệu, một trăm bốn mươi nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho **Ngân hàng N1 - chi nhánh tỉnh Đ - Phòng G1** Cơ số tiền 3.778.000đ (*ba triệu, bảy trăm bảy mươi tám nghìn đồng*) tạm ứng án phí mà ông **Lê Ngọc D** đã nộp thay theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001035 ngày 08/11/2023, của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đắk RLấp, tỉnh Đắk Nông.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn mười lăm ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Đắk R'Lấp;
- Chi cục THADS huyện Đắk R'Lấp;
- Các đương sự;
- Lưu vp, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Đình Quy